

D, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Trương Hoàng N – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 4, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 4, xã Diên P, huyện D, tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Trương Hoàng N và ông Nguyễn Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Bùi Trương Hoàng N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung Nguyễn Minh H1 – sinh ngày 08/10/2013 và Nguyễn Hoàng Phương U – sinh ngày 31/5/2017. Ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi con chung là 2.500.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, bà N và ông H có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Trương Hoàng N và ông Nguyễn Minh H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Bùi Trương Hoàng N nộp 150.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (trong đó bà N tự nguyện nộp thay 75.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của ông Nguyễn Minh H) và nộp thay cho ông H 150.000đ tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tiền số 0001238 ngày 10/4/2024. Bà N và ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- UBND thị trấn D
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Bùi Thị Ân

